

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 104/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2024

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Võ Văn Liềm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09/9/2024 giữa:

- Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị Diễm H**, sinh năm 1992 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn V, huyện G, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: anh **Trần Thanh D**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/7/2024, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm H như sau:** Năm 2014 chị H và anh Trần Thanh D có quen biết, tìm hiểu nhau được hai năm thì anh chị tự nguyện kết hôn với nhau, anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 04/5/2016. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do hai người không hợp, anh D không lo cho vợ con mà để một mình chị tự lo nên chị đã bỏ đi làm sống ly thân với anh D từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, chị H và anh D ít gặp nhau và cũng không liên lạc với nhau, đặc biệt là từ năm 2020 đến nay chị

và anh D cũng không gặp nhau, chị H xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì chị H đã không còn tình cảm yêu thương dành cho anh D nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị H khai trong quá trình sống chung với anh D thì vợ chồng chị có một người con chung tên Trần Thanh Đ, sinh ngày 09/9/2017 do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ khi vợ chồng ly thân năm 2018 đến nay. Về tài sản chung và nợ chung chị H xác định là không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Diễm H yêu cầu Tòa án giải quyết về hôn nhân chị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh D1. Về con chung chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Trần Thanh Đ, sinh ngày 09/9/2017 và chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đối với bị đơn anh Trần Thanh D không có mặt tại phiên tòa:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng anh D không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử về hôn nhân chấp cho chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn với anh Trần Thanh D. Về con chung giao con chung tên Trần Thanh Đ, sinh ngày 09/9/2017 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị Diễm H yêu cầu ly hôn với anh Trần Thanh D và chị H yêu cầu nuôi con. Bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang

nên Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xác định quan hệ pháp luật “ly hôn, yêu cầu nuôi con” và thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Trần Thanh D với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh D vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Diễm H và anh Trần Thanh D có quen biết, tìm hiểu nhau được hai năm thì anh chị tự nguyện kết hôn với nhau, anh chị được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang số 89/2016 ngày 04/5/2016 theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị H được ly hôn với anh D do hai người không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, anh D không lo cho vợ con nên chị đã bỏ đi sống ly thân với anh D từ năm 2018 đến nay. Đối với anh D, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng anh D đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị H cho rằng trong thời gian ly thân, chị H và anh D ít gặp nhau và cũng không liên lạc với nhau, chị H xét thấy không thể hàn gắn hôn nhân được nữa vì chị H đã không còn tình cảm yêu thương dành cho anh D nên chị H yêu cầu ly hôn với anh D. HĐXX thấy rằng, do trước khi kết hôn anh chị đã chưa thật sự hiểu hết tính tình của nhau và anh chị chưa thật sự hợp nhau nên sau thời gian chung sống giữa chị H và anh D mới phát sinh sự bất đồng quan điểm dẫn đến không còn duy trì được tình yêu thương dành cho nhau nên khi xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: chị H khai vợ chồng anh có một người con chung tên Trần Thanh Đ, sinh ngày 09/9/2017. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Trần Thanh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân từ năm 2018 đến nay, chị H là người trực tiếp nuôi con Trần Thanh Đ và cháu Đ cũng được phát triển bình thường về mọi mặt; đồng thời cháu Đ cũng có nguyện vọng muốn được sống với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, giao Trần Thanh Đ, sinh ngày

09/9/2017 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là đúng với nguyện vọng của cháu Đ, phù hợp với thực tế, không trái đạo đức xã hội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị H xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Đối với bị đơn anh Trần Thanh D Tòa án tiến hành thẩm tra, xác minh cho thấy anh D thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về và không xác định được địa chỉ nơi cư trú mới. Tòa án căn cứ khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh D theo quy định nhưng anh D vẫn không có mặt không có lý do và anh D cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H cho Tòa án nên HĐXX không thể xem xét nguyện vọng của anh.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[8] Về án phí: bằng 300.000đồng chị H phải nộp do chị H có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 177, Điều 179, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Diễm H được ly hôn với anh Trần Thanh D.

2. Về con chung: Giao Trần Thanh Đ, sinh ngày 09/9/2017 cho chị Nguyễn Thị Diễm H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Dũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng: Miễn xét

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Diễm H phải nộp án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0006058 ngày

05/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị H đã nộp xong án phí HNST.

5. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 26/9/2024. Anh Dũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9, Điều 7, Điều 7a, 7b Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SẴN THỘM
THỘM PHỎN-CHỖ TỖA PHỎN TỖA

Nơi nhận :

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh